

Bản án số **31/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/9/2019

V/v tranh chấp

"Ly hôn nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Lê Duy Cử

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2019 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Phan Ngọc N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Phan Ngọc N trình bày:* Tôi (N) và Bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với nhau năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn S, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống đến khoảng năm 2011 thì Bà Nguyễn Thị Thanh T đột ngột bỏ nhà ra đi không nói năng gì với tôi và thuê nhà chung sống với người đàn ông khác. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can hòa giải, chúng tôi đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khoảng cách vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ năm 2011 đến nay bà T bỏ về nhà mẹ ruột tại thôn Y, xã B, huyện V, thành phố Đà Nẵng sinh sống, chỉ thỉnh thoảng bà T mới về thăm con

rồi trong chốc lát rồi lại đi. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai có trách nhiệm với ai. Nay, tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu cô Tuyền nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và bà T có 01 con chung tên Phan Ngọc B, sinh ngày 06/5/2007 hiện nay đang sống cùng tôi. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh T không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

**Đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T:* Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để trình bày ý kiến, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của ông Phan Ngọc N đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Xử cho ông Phan Ngọc N được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T, giao con chung là Phan Ngọc B, sinh ngày 06/5/2007 cho ông Phan Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Ngọc N xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Phan Ngọc N khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" đối với bà Nguyễn Thị Thanh T; Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, do bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*: Ông Phan Ngọc N và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến ngày 14/02/2011 thì bà T đột ngột bỏ nhà ra đi không nói năng gì và thuê nhà chung sống với người đàn ông khác, thỉnh thoảng bà T ghé về thăm con rồi lại đi. Theo ông Ninh mặc dù bản thân ông và gia đình cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện và không có kết quả, từ năm 2011 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan Ngọc N với bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông Ninh và bà T không có tiếng nói chung. Mặc dù ông bà cũng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả. Từ năm 2011 đến nay ông Ninh và bà T đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mỗi người sống mỗi nơi và không ai có trách nhiệm với ai. Mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông cũng không còn tình cảm yêu thương bà T. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà T cũng không có thiện chí hàn gắn lại lại tình cảm với ông Ninh.

Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2019 của Tòa án thì Bà Nguyễn Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, thôn Y, xã B, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Từ khoảng năm 2011 bà T trở về sống cùng cha mẹ tại địa phương và hiện đang làm công nhân tại Khu công nghiệp Hòa Khánh. Trong thời gian bà T chung sống cùng ông N tại xã Hòa Ninh huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng địa phương không nắm rõ tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2011 đến nay không thấy ông bà chung sống tại địa phương.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông N và bà T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Ngọc N đối với bà Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông N xác định ông và bà T có 01 con chung tên là Phan Ngọc B, sinh ngày 06/5/2007. Ly hôn, ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của ông Phan Ngọc N về việc được nuôi con chung thì thấy: Hiện tại, cháu B đang sinh sống cùng ông Phan Ngọc N, mặt khác nguyện vọng của cháu B cũng mong muốn được ở cùng ông N để thuận tiện trong việc đưa đón đi học và chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để không làm xáo trộn tâm lý cũng như ảnh hưởng việc chăm sóc, học hành của cháu, HĐXX thấy cần giao cháu Phan Ngọc B, sinh ngày 06/5/2007 cho ông Phan Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Phan Ngọc N xác định ông và Bà Nguyễn Thị Thanh T không có tài sản chung và cũng không nợ nần của ai nên HĐXX không đề cập.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình* ông Phan Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc N đối với Bà Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc N được ly hôn Bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao ông Phan Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Ngọc B, sinh ngày 06/5/2007. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Ông Phan Ngọc N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002316 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h.Hòa Vang;*
- *UBND xã Hòa Ninh*
(theo GCNKH số 19/2006 ngày 12/7/2006);
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Hồng Hải